TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày: 28 - 6 - 2022.
V/v tranh chấp
"Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến.

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" và "Hợp đồng thế chấp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Ng đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Số 22, Ngô Quyền, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung Ng – Phó giám đốc Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản (Theo giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020).

Ông Nguyễn Hoàng Trung Ng ủy quyền lại:

1. Bà Nguyễn Thị Phương K, sinh năm 1989 – Cán bộ Phòng Quản lý Khách hàng Doanh nghiệp Đông Nam Bộ - Khối Quản lý và Tái cấu trúc Tài sản – Ngân hàng TMCP A(theo Giấy ủy quyền số 2289/UQ-PVB ngày 28/3/2022 của Phó giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc Tài sản) (Có mặt).

2. Ông Đỗ Tấn Đ – giám đốc KHDN – Phòng Quản lý và khách hàng Doanh nghiệp Đông Nam Bộ - Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản A (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B (Công ty B).

Địa chỉ: Số 516, ấp M, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Xuân Huy – Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ng đơn bà Nguyễn Thị Phương K trình bày: Ngày 31/10/2017, Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B (gọi tắt là "Công ty B") và Ngân hàng TMCP A(gọi tắt là "A") đã cùng ký kết Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

STT	Số Hợp đồng	Khế ước nhận nợ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền cho vay *(đồng)*
01	2110/2017/HĐTD/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017	01	02/11/2017	02/11/2023	400.000.000
Tổng số tiền đã giải ngân					400.000.000

- Thời hạn cho vay: 72 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Nợ gốc: được trả 72 kỳ, 01 tháng/kỳ.
- Lãi suất cho vay: từ ngày 02/11/2017 đến 02/05/2018 là 7,3%. Sau đó lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất tiền gửi đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ cộng (+) biên độ 4,3%/năm.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Lãi chậm trả: lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Cùng ngày, các bên đã cùng ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH thế chấp xe ô tô con hiệu TOYOTA, số loại VIOS E NSO151L-BEMRKU, 5 chỗ, màu trắng, mới 100%, số khung 9F35H5024089, số máy 2NRX217061, biển số 62A-084.41 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017091 do Công an Tỉnh Long An cấp ngày 02/11/2017. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/11/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty B đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký. Công ty B trả nợ kỳ cuối là ngày 27/11/2019. Sau đó, không trả nữa, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty B không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính trên phần mềm A đến ngày 26/6/2022, dư nợ của Công ty B cụ thể như sau:

- Nợ gốc : 266.298.324đồng.
- Nợ lãi : 110.642.194đồng.

Tổng nợ: 376.940.518đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, năm trăm mười tám đồng*).

Ngân hàng TMCP Akhởi kiện Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B yêu cầu:

1. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B thanh toán cho Ngân hàng TMCP Asố tiền: 376.940.518đồng, bao gồm 266.298.324 đồng nợ gốc và 110.642.194đồng nợ lãi *(tạm tính đến ngày 26/6/2022)*.

2. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 2110/2017/HĐTD/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017 kể từ ngày 27/6/2022

cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Acó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ. Cụ thể là xe ô tô con hiệu TOYOTA, số loại VIOS E NSO151L-BEMRKU, 5 chỗ, màu trắng, số khung 9F35H5024089, số máy 2NRX217061, biển số 62A-084.41 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017091 do Công an Tỉnh Long An cấp ngày 02/11/2017 cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B.

4. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B đối với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống Đ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ng đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xứ nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp là Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản. Hợp đồng được Ng đơn và bị đơn ký kết nhằm mục đích lợi nhuận; Ng đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, do đó thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại, được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B có trụ sở tại địa chỉ: Số 516, ấp M, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Long An xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ng đơn, bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Phương K trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng giữa Ngân hàng TMCP Avới Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B có ký kết Hợp đồng cho vay số 2110/2017/HĐTD/PVB-PGD.PMH để cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B vay số tiền 400.000.000đồng, thời hạn vay là 72 tháng, mục đích vay mua xe Ô tô Toyota Vioss E với lãi suất cho vay do giữa Ngân hàng TMCP Atính từ ngày 02/11/2017 đến 02/05/2018 là 7,3%. Sau đó lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất tiền gửi đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ cộng (+) biên độ 4,3%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Cùng ngày, các bên đã cùng ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH, tài sản đảm bảo nợ vay là xe ô tô con hiệu TOYOTA, số loại VIOS E NSO151L-BEMRKU, 5 chỗ, màu trắng, mới 100%, số khung 9F35H5024089, số máy 2NRX217061, biển số 62A-084.41 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017091 do Công an Tỉnh Long An cấp ngày 02/11/2017 cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B là chủ sở hữu và đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cụ thể Công ty trả nợ kỳ cuối cho Ngân hàng là ngày 27/11/2019, sau đó ngừng trả hẳn, do đó Ngân hàng TMCP Acó quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước

hạn đối với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B là phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng cho vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng, thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn nhưng Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B vẫn vắng mặt, cũng không có bất cứ ý kiến phản hồi nào về yêu cầu khởi kiện của Ng đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào, do đó Tòa án không thể xem xét ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B trong vụ án.

Căn cứ vào bản chiết tính lãi do Ng đơn cung cấp, số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP Atính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2022) theo Hợp đồng cho vay số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017 là 376.940.518đồng (trong đó gốc là 266.298.324đồng; nợ lãi 110.642.194đồng). Xét thấy, số tiền gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B trả là phù hợp với Hợp đồng vay số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017.

[2.2] Về biện pháp bảo đảm:

Để bảo đảm cho số tiền vay theo Hợp đồng vay số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017, Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B và Ngân hàng TMCP Ađã ký hợp đồng thế chấp số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-HĐBĐ.PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017, tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu TOYOTA, số loại VIOS E NSO151L-BEMRKU, 5 chỗ, màu trắng, số khung 9F35H5024089, số máy 2NRX217061, biển số 62A-084.41 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017091 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 02/11/2017. Do đó, trong trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo Hợp đồng vay số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017, Ngân hàng TMCP Acó quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ađối với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay từ ngày tiếp theo của ngày 26/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp.

[4]. Về án phí: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2,3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ađối với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" và "Hợp đồng thế chấp tài sản":

1.1. Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Alà 376.940.518đồng (trong đó gốc là 266.298.324đồng; nợ lãi 110.642.194đồng).

Kể từ ngày 27/6/2022 đến khi thi hành xong số tiền trên, Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B phải trả cho Ngân hàng TMCP Athêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng vay số 2110/2017/HĐBĐ/PVB-PGD.PMH ngày 31/10/2017 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B vi phạm về nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Ađược quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, 5 chỗ ngồi, màu sơn trắng, số khung 9F35H5024089, số máy 2NRX217061, biển số 62A-084.41 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017091 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 02/11/2017 cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B nộp 18.847.025đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Asố tiền 8.206.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009066 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, Ng đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Cương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch

Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Ng đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Ng đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của Ng đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của Ng đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với Ng đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của Ng đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của Ng đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều Ng đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ng đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, Ng tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)